

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN CHÂU THÀNH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: **25/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 24/8/2020

*“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Kim Sa Pha**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lâm Quốc Em**

2. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Cẩm Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà **Huỳnh Mộng Kiều** – Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 97/2020/TLST –HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2020; Về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐST – HNGĐ ngày 06/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30/7/2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã Hồ, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

*\*Theo đơn khởi kiện ngày 25/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị D trình bày:*

Bà với ông Trần Đình H cưới nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên, nhưng từ khi cưới cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung tên Trần Thiên Nh, sinh năm 1998, Trần Thị Y, sinh ngày 29/5/2002 và Trần Thiên Đ, sinh ngày 24/02/2006. Trong những năm gần đây, bà với ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh

phúc như trước đây. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng như trước đây và tiếp tục sống chung với nhau nên làm đơn xin ly hôn, yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Đình H theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Các con Trần Thiên Nh và Trần Thị Y đã trưởng thành, có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Còn cháu Trần Thiên Đ, sinh ngày 24/02/2006 bà đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn theo nguyện vọng của cháu, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đại đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn ông Trần Đình H được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không có ý kiến trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị D và cũng như vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra, giao nộp, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm.

\* *Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án, còn bị đơn chưa chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và cũng như giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D đối với ông H, không công nhận quan hệ chung sống giữa bà D với ông H là vợ chồng do họ không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; Hai con chung cháu Trần Thiên Nh, Trần Thị Y đã trưởng thành, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, Còn con chung cháu Trần Thiên Đ giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu Đ, ghi nhận ý kiến của bà D về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Đại đủ 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt bị đơn ông Trần Đình H. Xét thấy, ông Trần Đình H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Trần Đình H theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Ngô Thị D với ông Trần Đình H cưới nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên, nhưng từ khi cưới cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới,

vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 03 con chung. Trong những năm gần đây, bà D với ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi nhau, do bất đồng quan điểm sống làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc như trước đây. Vì vậy, bà D làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn với ông H. Từ đó các bên phát sinh tranh chấp.

[3] *Về hôn nhân*: Xét thấy, Bà Ngô Thị D với ông Trần Đình H cưới nhau năm 1996, có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện của hai bên, nhưng từ khi cưới cho đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà là không hợp pháp, đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Theo bà D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do thời gian gần đây bà với ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được nên không thể tiếp tục sống chung với nhau. Tuy nhiên, sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải, động viên để hai bên hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và giải thích hậu quả pháp lý về việc quan hệ hôn nhân của ông bà chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu, cương quyết xin ly hôn với ông H, vì theo bà là không còn tình cảm với ông H, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống với nhau, còn ông H vắng mặt, không có văn bản gửi cho Tòa án biết ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Xét yêu cầu của nguyên đơn bà D thì thấy, đến thời điểm hiện nay mâu thuẫn hôn nhân giữa bà D với ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài và bà D cương quyết ly hôn, còn ông H không có ý kiến phản đối, không có thiện chí để hòa giải, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với bà D nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị D, là không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D với ông Trần Đình H.

[4] *Về con chung*: Bà D với ông H có 03 con chung, các cháu Trần Thiên Nh và Trần Thị Y đã trưởng thành, còn cháu Trần Thiên Đ, sinh ngày 24/02/2006 bà D đồng ý giao cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Xét thấy, tại biên bản ngày 04/6/2020 ghi nhận ý kiến của cháu Đ thì cháu Đ có nguyện vọng được chung sống với ông H và trong quá trình giải quyết vụ án thì ông H cũng không có ý kiến gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà D về con chung, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận ý kiến của các đương sự và nguyện vọng của cháu Đ là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định của pháp luật nhằm đảm bảo sự ổn định cuộc sống, học tập của cháu Đ.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, bà D đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, bị đơn ông H không có ý kiến gì phản đối hoặc yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con nhưng đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu Đ nên nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con của bà D là phù hợp với điều kiện thực tế và quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của bà D.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà Ngô Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 1, 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1,3 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

#### **Tuyên xử:**

1/ *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Ngô Thị D và ông Trần Đình H là vợ chồng.

2/ *Về con chung:* Giao cháu Trần Thiên Đ, sinh ngày 24/02/2006 cho ông Trần Đình H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Dành cho bà Ngô Thị D được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Buộc bà Ngô Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Thiên Đại đủ 18 tuổi.

Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2020.

Địa điểm thực hiện cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

3/ *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Ngô Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001302 ngày 15/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, còn lại 300.000 đồng bà D có nghĩa vụ tiếp tục nộp.

5/ Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Đối với bị đơn ông Trần Đình H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

6/ Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Kim Sa Pha**